

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của Trường THCS&THPT Quảng La

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS&THPT QUẢNG LA

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông báo số 1267/TB-SGDĐT ngày 21/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc Xét duyệt/Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2025, đơn vị được thông báo: Trường THCS và THPT Quảng La, mã chương: 422;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của trường THCS&THPT Quảng La theo biểu chi tiết đính kèm.

Hình thức công khai: Cổng thông tin điện tử và Website của trường THCS và THPT Quảng La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng tổ Văn phòng và các tổ chức, cán bộ, giáo viên, nhân viên có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu VT.

Bản điện tử:

- Cổng thông tin điện tử;

- Website: <https://thcs-thptquangla.edu.vn>.

Lê Thị Kim Thu

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 87 /QĐ-THCS&THPT QL ngày 23 tháng 4 năm 2026
của Trường THCS&THPT Quảng La)

Thực hiện công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Trường THCS và THPT Quảng La (đơn vị sử dụng ngân sách) công khai thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt như sau:

1. Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (nguồn NSNN và nguồn thu phí, lệ phí) : 4.974.400 đồng, trong đó:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước: 0 đồng;
- b) Nguồn thu học phí: 4.974.400 đồng.

2. Dự toán được giao trong năm 2025: 12.472.015.000 đồng, trong đó:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước: 12.027.000.000 đồng;
- b) Nguồn thu học phí: 445.015.000 đồng.

3. Kinh phí thực nhận trong năm 2025: 12.296.245.660 đồng, trong đó:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước: 11.851.230.660 đồng;
- b) Nguồn thu học phí: 445.015.000 đồng.

4. Kinh phí giảm trong năm 2025: 175.769.340 đồng

Thuyết minh chi tiết kinh phí giảm: Hủy dự toán số tiền là: 175.769.340 đồng, gồm: Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú: 2.116.000 đồng do số học sinh đủ điều kiện hưởng chế độ bán trú giảm; Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật: 7.136.900 đồng do điều chỉnh phân công giáo viên dạy tại lớp có học sinh khuyết tật; Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới: 831.000 đồng do mua sắm theo giá thầu của đơn vị trúng thầu; Mua sắm bổ sung trang thiết bị: 842.000 đồng do giá mua giảm so với thời điểm dự toán; Hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2024-2025 theo NQ 42/2024/NQ-HĐND: 525.000 đồng do trong kỳ có một số học sinh nghỉ thôi học; Kinh phí thực hiện hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 154.639.440 đồng do không hợp đồng được đủ số giáo viên được giao; Kinh phí chi trả dạy thêm giờ cho giáo viên ôn thi tuyển sinh THPT, ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2025: 3.019.000 đồng do số tiết thừa giờ giảm; Hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2025-2026: 6.660.000 đồng do số học sinh có mặt giảm so với dự toán.

5. Kinh phí trích thực hiện cải cách tiền lương: 52.930.400 đồng, trong đó:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước: 0 đồng;
- b) Nguồn thu học phí: 52.930.400 đồng.

6. Tổng số liệu báo cáo quyết toán năm 2025 (nguồn NSNN và nguồn thu phí, lệ phí): 12.168.894.060 đồng, trong đó:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước: 11.851.230.660 đồng;
- b) Nguồn thu học phí: 317.663.400 đồng.

7. Tổng số liệu quyết toán được duyệt năm 2025 (nguồn NSNN và nguồn thu phí, lệ phí): 12.168.894.060 đồng, trong đó:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước: 11.851.230.660 đồng;
- b) Nguồn thu học phí: 317.663.400 đồng.

8. Số dư kinh phí chuyển sang năm sau sử dụng (nguồn NSNN và nguồn thu phí, lệ phí), trong đó:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước: 0 đồng;
- b) Nguồn thu học phí: 79.395.600 đồng.

9. Chênh lệch Tổng số liệu quyết toán được duyệt so với Tổng số liệu báo cáo quyết toán năm 2025: 0 đồng.

10. Tỷ lệ Tổng số liệu quyết toán được duyệt so với Tổng số liệu báo cáo quyết toán năm 2025 đạt 100%.

Đơn vị: Trường THCS&THPT Quảng La

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 87/QĐ-THCS&THPT QL ngày 23/4/2026 của Trường THCS&THPT Quảng La)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	445,015	445,015	0	
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí	445,015	445,015	0	
	Học phí	445,015	445,015	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	317,663	317,663	0	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	317,663	317,663	0	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	317,663	317,663	0	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	11851,231	11851,231	0	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	11851,231	11851,231	0	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8760,000	8760,000	0	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3091,231	3091,231	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 23 tháng 4 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

Lê Thị Kim Thu